

UNIT 3:

COMMUNITY SERVICE COMMUNICATION

- nearby	(adj) : gần
- warm clothes	(n) : quần áo ấm
- mountainous area	(n) : vùng núi
- protect	(v): bảo vệ
- clean up	(v) : dọn dẹp
- benefit	(n) : lợi ích
- future	(n): tương lai
- street children	(n) : trẻ em đường phố
- feed – fed – fed	(v) : cho ăn
- compliment	(n): lời khen